

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-5-2021.  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,  
chia tài sản chung, chia nợ chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thả;
2. Ông Huỳnh Văn Chớ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 2 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, chia nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ 11, ấp Tân K, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ 11, ấp Tân K, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị N, anh Đ có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Xuân Đ chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ, chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần cãi cọ nhau và không nói chuyện với nhau cả một thời gian dài, hai bên nhiều lần nói chuyện cùng nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thể dung hòa được. Hiện hai vợ chồng đã ly

thân nhau hơn một năm, nhận thấy tình cảm vợ, chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Linh Nhi, sinh ngày 23/10/2012; con gái hiện ở chung với chị tại xã Tân Hà, huyện Tân Châu, con còn thơ bé nên rất cần bàn tay chăm sóc của mẹ để bé được phát triển tâm sinh lý tốt nhất, vì vậy sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con gái, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N có đơn rút yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Vợ, chồng anh chung sống tự nguyện, có tìm hiểu nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng, trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, hiện tại anh chị đã ly thân. Nay thấy tình cảm không còn với chị N nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như chị N trình bày. Tuy nhiên con hiện sống chung với chị N nhưng không có sức khỏe tốt, chị N đang thuê nhà trọ để ở và chị N hay gọi con để đi làm xa, không có điều kiện chăm sóc con bằng anh, vì vậy anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Linh Nhi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh Đ bổ sung các tài liệu chứng minh thu nhập, khả năng tài chính để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu Nhi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh đồng ý với yêu cầu của chị N về rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Linh Nhi, sinh ngày 23/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đ chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung của chị Nguyễn Thị Mỹ N đối với anh Nguyễn Xuân Đ.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Xuân Đ sống chung với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải chị N, anh Đ cùng đồng ý thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Chị N, anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Linh Nhi, sinh ngày 23/10/2012. Chị N, anh Đ cùng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nhi. Xét thấy chị N, anh Đ có những điều kiện tương đồng về kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nhi, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương (bút lục số 54, 55) hiện anh Đ đang sống trong gia Đ có 03 người, gồm anh và một người em trai bà con xa, một người anh lớn tuổi có sức khỏe không tốt. Hơn Na cháu Nhi là phái N, đang sống ổn định cùng mẹ, tại biên bản lấy lời khai thể hiện cháu có sức khỏe tốt, lanh lợi, có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ (bút lục số 38); chị N có công việc với mức lương cao, ổn định, có tài sản riêng để đảm bảo cuộc sống của cháu (bút lục 39,40 và 56 đến 102). Do đó giao cháu Nhi cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của anh Đ, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N, giao cháu Nhi cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung và anh Đ cũng đồng ý với yêu cầu của chị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đ chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị N đối với anh Đ.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 146, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đ; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Linh Nhi, sinh ngày 23/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đ chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung của chị Nguyễn Thị Mỹ N đối với anh Nguyễn Xuân Đ,

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 44.825.000 (bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng mà chị Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp theo biên lai thu số 0001692 ngày 23-02-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị N được nhận lại 44.525.000 (bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Xuân Đ được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Kiều Thanh**